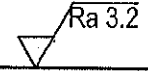


1610 212 117

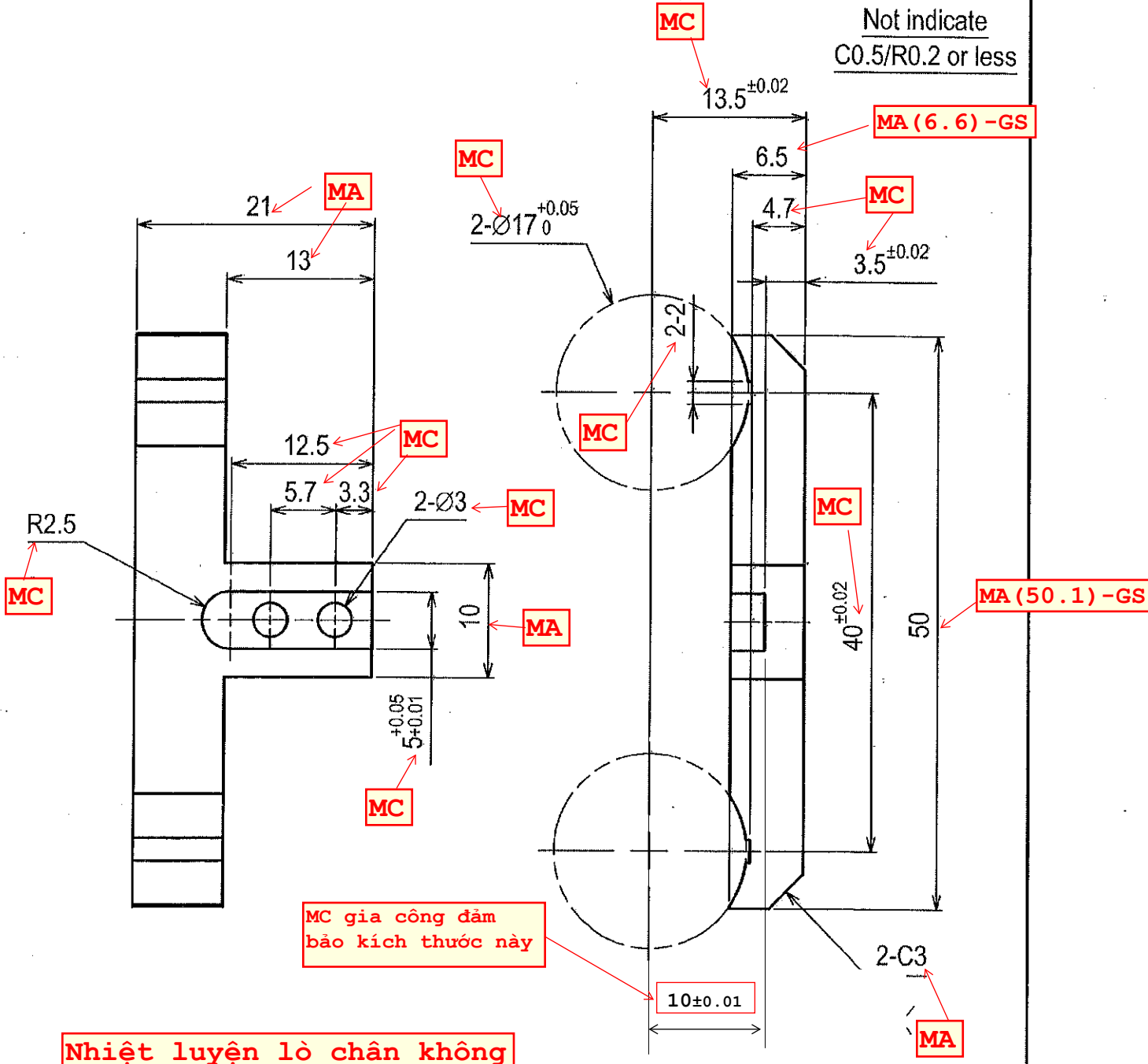
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE	
init.	2019/07/04		DVBS-0461	Do Quang Ham	Pham Phu Quoc	Dong_Khac_Tu	$0.5 \leq \leq 6$	± 0.1
△							$6 < \leq 30$	± 0.2
△							$30 < \leq 120$	± 0.3
△							$120 < \leq 400$	± 0.5

TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED APPLIES JIS B 0405-m, JIS B 0419-k

FINISH MARKS



Not indicate
C0.5/R0.2 or less



CHKD.	MATERIAL		TITLE	PARTS NAME
Dong_Khac_Tu	SKS3		部品図	チャック
DSGND.	SURFACE	SCALE	PART DRAWING	CHUCK
Pham_Phu_Quoc	SOB	2:1	PART DRAWING	夹头
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
Pham_Phu_Quoc	HRC 55 ~ 60	A4	2015/11/26	R323892

SNO: **R323892**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: SKS3 T8*26*55	AA:20 MA:30 GS:30 MC:90 HT:40 AF:15 AB:10